

Số: 37/BC-STNMT

Hung Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2020

### BÁO CÁO

Kết quả kiểm tra thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND của UBND tỉnh và công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các huyện, thị xã, thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	
C.V	Số: 862
ĐẾN	Ngày: 20/01/2020
	Chuyên: Đất đai
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;  
- Ông Bùi Thế Cử - Phó Chủ tịch UBND tỉnh,  
Trưởng Ban chỉ đạo Kế hoạch 93A/KH-UBND.

*OK - DM  
bắt đầu lập văn bản  
phần trình  
35/PP-KT  
31/01/2020*

Thực hiện Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 31/7/2019 của Ban chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố; Quyết định số 01/QĐ-BCĐ ngày 18/9/2019 của Ban chỉ đạo thành lập các Đoàn kiểm tra của Ban chỉ đạo tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan thường trực) xin báo cáo Kết quả kiểm tra thực hiện Kế hoạch 93a/KH-UBND của UBND tỉnh và công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các huyện, thị xã, thành phố (đến ngày 15/8/2019), như sau:

## I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Tại cấp tỉnh

Để tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh về giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ giao thông, thủy lợi và hoạt động bên bãi, khai thác cát trái phép năm 2017,

Năm 2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh ban hành các Văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện:

- Tham mưu UBND tỉnh:

+ Chỉ thị số 08/CT-CTUBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện Kế hoạch số 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh.

+ Quyết định số 740/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 về việc thành lập Ban chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch số 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tỉnh.

- Tham mưu Ban chỉ đạo ban hành các Văn bản:

- Qua kiểm tra (tính đến ngày 15/8/2019), toàn tỉnh cấp được 1.043.864 thửa đất, đạt 84,10% số thửa cần cấp; diện tích đã cấp 54.758,02ha, đạt 86,52%, trong đó:

+ Đất Nông nghiệp đã cấp được là 783.738 thửa, đạt 92,80% so với số thửa cần cấp; diện tích là 47.683,85 ha, đạt 90,79% so với diện tích cần cấp;

+ Đất ở đã cấp là 259.828 thửa, đạt 65,79% so với số thửa cần cấp; diện tích đã cấp là 6.908,12ha, đạt 66,08% so với diện tích cần cấp;

+ Đất tín ngưỡng đã cấp là 298 thửa, đạt 18,14%; diện tích là 166,05 đạt 52,13% so với diện tích cần cấp.

- Cụ thể:

+ Huyện Phù Cừ: Đất nông nghiệp đã cấp 71.167 thửa, đạt 94,12%; Đất ở đã cấp 19.816 thửa, đạt 71,63%; Đất tín ngưỡng đã cấp 31 thửa, đạt 21,68% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 80/1893 thửa, đạt 4,23; Đất ở đã cấp 802/1370 thửa, đạt 58,54%)*;

+ Huyện Tiên Lữ: Đất nông nghiệp đã cấp 38.190 thửa, đạt 84,35%; Đất ở đã cấp 28.352 thửa, đạt 76,88%; Đất tín ngưỡng đã cấp 52 thửa, đạt 27,81% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 53/2.141 thửa, đạt 2,48; Đất ở đã cấp 989/3.628 thửa, đạt 27,26%)*;

+ TP. Hưng Yên: Đất nông nghiệp đã cấp 60.112 thửa, đạt 88,74%; Đất ở đã cấp 33.593 thửa, đạt 89,72%; Đất tín ngưỡng đã cấp 16 thửa, đạt 9,70% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 323/3.728 thửa, đạt 8,66%; Đất ở đã cấp 502/1.297 thửa, đạt 38,70%)*;

+ Huyện Kim Động: Đất nông nghiệp đã cấp 85.481 thửa, đạt 95,14%; Đất ở đã cấp 30.342 thửa, đạt 72,51%; Đất tín ngưỡng đã cấp 63 thửa, đạt 26,47% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 0/1.311 thửa, đạt 0%; Đất ở đã cấp 551/5.788 thửa, đạt 9,52%)*;

+ Huyện Khoái Châu: Đất nông nghiệp đã cấp 118.548 thửa, đạt 91,68%; Đất ở đã cấp 40.138 thửa, đạt 65,55%; Đất tín ngưỡng đã cấp 36 thửa, đạt 15,13% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 70/2.557 thửa, đạt 2,74%; Đất ở đã cấp 448/7.664 thửa, đạt 5,85%)*;

+ Huyện Ân Thi: Đất nông nghiệp đã cấp 123.313 thửa, đạt 96,67%; Đất ở đã cấp 15.784 thửa, đạt 33,32%; Đất tín ngưỡng đã cấp 02 thửa, đạt 0,78% *(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 0/1.276 thửa, đạt 0%; Đất ở đã cấp 234/8.578 thửa, đạt 2,73%)*;

+ Huyện Yên Mỹ: Đất nông nghiệp đã cấp 96.683 thửa, đạt 93,78%; Đất ở đã cấp 23.792 thửa, đạt 51,67%; Đất tín ngưỡng đã cấp 03 thửa, đạt 2,75%

(Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 49/1.942 thửa, đạt 2,52%; Đất ở đã cấp 664/6.982 thửa, đạt 9,51%);

+ Huyện Văn Giang: Đất nông nghiệp đã cấp 74.278 thửa, đạt 97,91%; Đất ở đã cấp 30.516 thửa, đạt 77,98%; Đất tín ngưỡng đã cấp 25 thửa, đạt 16,34% (Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 0/476 thửa, đạt 0; Đất ở đã cấp 150/1.973 thửa, đạt 7,60%);

+ Huyện Văn Lâm: Đất nông nghiệp đã cấp 62.837 thửa, đạt 97,62%; Đất ở đã cấp 20.808 thửa, đạt 66,72%; Đất tín ngưỡng đã cấp 40 thửa, đạt 42,55% (Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 7/461 thửa, đạt 1,52; Đất ở đã cấp 240/3.250 thửa, đạt 7,38%);

+ Thị xã Mỹ Hào: Đất nông nghiệp đã cấp 53.129 thửa, đạt 80,64%; Đất ở đã cấp 16.687 thửa, đạt 63,79%; Đất tín ngưỡng đã cấp 30 thửa, đạt 50,85% (Riêng trong năm 2019 đã đạt được so với chỉ tiêu giao: Đất nông nghiệp đã cấp 23/3.860 thửa, đạt 0,60; Đất ở đã cấp 423/2.965 thửa, đạt 14,27%);

(Chi tiết theo Biểu 02-GCN kèm theo);

## **2. Cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp sau DTĐR**

- Qua kiểm tra (đến ngày 15/8/2019), tổng số thửa đất cần cấp đổi 400.725 thửa với tổng diện tích 35.316,86 ha, trong đó: Tổng số thửa đã được cấp đổi 130.650 thửa với tổng diện tích 10.193 ha;

- Từ ngày 01/01/2019 đến 15/8/2019, toàn tỉnh đã cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp sau DTĐR được 1.649 thửa đất, đạt 2,24% so với Kế hoạch được giao.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

Xác định rõ vai trò, tầm quan trọng trong việc giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi và hoạt động bến bãi, khai thác cát trái phép; việc cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định số 1345/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Vì vậy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy (sau đây gọi tắt là Huyện ủy) và UBND cấp huyện đã tập trung cao, chỉ đạo quyết liệt, đồng thời giao cho các cơ quan chuyên môn và các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, UBND cấp huyện thường xuyên yêu cầu các cơ quan chuyên môn và các xã, phường, thị trấn báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện và những khó khăn vướng mắc, đã kịp thời ban hành các thông báo, văn bản chỉ đạo điều hành, đồng thời thành lập các đoàn kiểm tra trong việc triển khai thực hiện.

Ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân nhân dân trên địa bàn cấp huyện về quản lý đất đai, giao thông, thủy lợi, đê điều, bến bãi, khai

thác cát và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyên biến rõ rệt từ huyện đến cơ sở dân đi vào nề nếp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tình trạng vi phạm hành lang an toàn giao thông trên các tuyến đường huyện, đường tỉnh có giảm, tình hình trật tự an toàn giao thông và ý thức bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông của nhân dân được nâng cao.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

### **2.1 Đối với việc thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017**

Qua kiểm tra thực tế, còn một số xã, thị trấn chưa quyết liệt hoặc chậm triển khai thực hiện chỉ đạo của huyện, tình trạng tái vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi chưa được xử lý dứt điểm, kịp thời: vi phạm bảo vệ công trình thủy lợi giải tỏa chưa đạt yêu cầu, do tồn tại của việc quản lý các thời kỳ để lại ở cấp xã gặp rất nhiều khó khăn trong công tác xử lý (đặc biệt là các trường hợp được giao đất không đúng thẩm quyền đã xây dựng công trình, nhà ở kiên cố dọc các tuyến kênh, hệ thống sông Bắc - Hưng - Hải tại các xã Cửu Cao, Nghĩa Trụ và Vĩnh Khúc huyện Văn Giang; tại các điểm khu dân cư sông Cửu An, sông Điện Biên huyện Kim Động). Một số trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông đã tổ chức giải tỏa và hỗ trợ giải tỏa nhưng chưa triệt để. Việc tái vi phạm, tái lấn chiếm vỉa hè, bày bán hàng, biển quảng cáo vẫn diễn ra. Việc thống kê vi phạm đất hành lang giao thông đường xã chưa được các địa phương quan tâm, rà soát.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hiệu quả chưa cao, chưa có giải pháp thiết thực phù hợp với từng địa phương, khu vực. Công tác cưỡng chế giải tỏa vi phạm chưa quyết liệt. Công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy cơ sở chưa được thường xuyên, đặc biệt chưa phát huy hết vai trò của cấp ủy viên trong chỉ đạo thực hiện giải tỏa các vi phạm theo quy định. Một số đảng viên vi phạm chưa tự giác tháo dỡ công trình vi phạm.

UBND cấp huyện chưa chủ động, tích cực xử lý trường hợp cán bộ buông lỏng công tác quản lý đất đai. Những hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra của Lãnh đạo cấp huyện.

### **2.2 Đối với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Kết quả cấp Giấy chứng nhận chưa đạt yêu cầu đề ra; tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với đất ở, đất nông nghiệp được theo chỉ tiêu giao năm 2019-2020 của các huyện, thị xã, thành phố đạt rất thấp, không đạt mục tiêu kế hoạch UBND tỉnh giao.

Nhận thức và ý thức chấp hành quy định về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận của một số đối tượng sử dụng đất còn hạn chế; chậm trễ không thực hiện kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận theo thông báo của địa phương.

Cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường; Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ và tính chất công việc đặc thù phức tạp; điều kiện làm việc còn nhiều khó khăn.

Cán bộ địa chính cấp xã phải thực hiện rất nhiều nhiệm vụ; chưa tham mưu kịp thời cho lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn xử lý các vi phạm đất đai ở cơ sở.

Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất như tặng cho, thừa kế không hoàn thiện được theo quy định do các thành viên trong gia đình không nhất trí, các hàng thừa kế đi làm ăn xa hoặc đã chết, ...

Nhiều hộ đi làm ăn xa không có nhà để thực hiện kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận, cung cấp các giấy tờ về quyền sử dụng hoặc hoàn thiện hồ sơ khi cần bổ sung giấy tờ, ...

### **3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

#### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

##### **a. Đối với công tác giải tỏa vi phạm**

Cấp ủy, chính quyền địa phương chưa huy động được cả hệ thống chính trị vào cuộc triển khai, thực hiện; việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; thiếu quyết liệt, kịp thời. Một bộ phận cán bộ, công chức năng lực còn hạn chế, thiếu trách nhiệm trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao dẫn đến việc thống kê, lập danh sách các trường hợp vi phạm chưa chính xác; chưa tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền có kế hoạch, giải pháp để ngăn chặn và xử lý triệt để các sai phạm. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong giai đoạn trước đây còn lỏng lẻo; không kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm.

Hệ thống công trình thủy lợi, đê điều được xây dựng từ lâu; chạy theo tuyến và trải rộng khắp các xã, thị trấn; bờ kênh liền với đất thổ cư, đi qua các khu dân cư cũ nên việc xác định vi phạm và xử lý giải tỏa công trình gặp rất nhiều khó khăn.

Nhiều hộ có đất thổ cư; đất do UBND xã, thôn bán từ những năm 1990 thuộc hành lang, lưu không sông trước đây chưa có điều kiện để xây dựng công trình. Đến nay, khi các hộ xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt lại vi phạm Chỉ thị 02/CT-UBND. Vì vậy, khi tiến hành giải tỏa, người dân không hợp tác do so sánh với các trường hợp đã xây dựng bên cạnh (xã Nghĩa Trụ, Vĩnh Khúc-huyện Văn Giang).

Ở một số xã, thị trấn, công tác quản lý nhà nước về đất đai, giao thông, thủy lợi tại một số thời điểm quản lý trước đây chưa chặt chẽ, dẫn đến nhiều trường hợp vi phạm. Vì vậy, việc tổ chức giải tỏa đối với các trường hợp này mất nhiều thời gian từ tuyên truyền, vận động, thuyết phục để các hộ gia đình tự giải tỏa và đặc biệt hoàn thiện đủ tính pháp lý về hồ sơ xử lý vi phạm; về

phương án, lực lượng, phương tiện để tổ chức giải tỏa nếu các hộ gia đình không tự giác chấp hành.

### **b. Đối với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

Đất đai có nguồn gốc phức tạp, chính sách pháp luật thay đổi qua nhiều thời kỳ và thường xuyên. Văn bản ban hành của Chính phủ còn có sự chông chéo và chưa thống nhất đồng bộ, chưa sát với tình hình thực tiễn. Luật Đất đai năm 2013 quy định việc đăng ký là bắt buộc, song việc cấp Giấy chứng nhận lại theo nhu cầu của các hộ gia đình, cá nhân dẫn đến tình trạng chỉ khi có phát sinh giao dịch, tranh chấp thì người dân mới đến đăng ký và làm thủ tục.

Một số quy định của pháp luật đất đai hiện hành chưa đầy đủ, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn như: Trên địa bàn các huyện hiện nay tồn tại nhiều thửa đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền, phần lớn chủ sử dụng đất không giữ được các giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ tài chính. Vì vậy, khi cấp Giấy chứng nhận thì phải nộp tiền sử dụng đất. Do đó, hộ gia đình, cá nhân chưa đồng ý nộp tiền để được cấp Giấy chứng nhận. Ngoài ra, các thửa đất có nguồn gốc giao không đúng thẩm quyền, có biến động rất lớn về chủ sử dụng đất do chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, ... ở nhiều thời điểm khác nhau, vì vậy để hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận gặp nhiều khó khăn.

Trường hợp mua bán, chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 phải có Giấy chứng nhận và làm thủ tục theo đúng quy định. Tuy nhiên, trên thực tế còn nhiều trường hợp đã chuyển nhượng sau ngày 01/01/2008 nhưng chưa có Giấy chứng nhận và chưa làm thủ tục theo quy định nên chưa có cơ sở để cấp Giấy chứng nhận. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận khi thực hiện các quyền của người sử dụng đất như tặng cho, thừa kế, ... không hoàn thiện được theo quy định do các thành viên trong gia đình không nhất trí, các hàng thừa kế đi làm ăn xa hoặc đã chết, ... Nhiều hộ gia đình, cá nhân đi làm ăn xa không có nhà để thực hiện kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận, cung cấp các giấy tờ về quyền sử dụng hoặc hoàn thiện hồ sơ khi cần bổ sung giấy tờ, ...

## **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

### **a. Đối với công tác giải tỏa vi phạm**

Một số xã, phường, thị trấn lúc đầu nhận thức chưa đầy đủ về vai trò, tầm quan trọng của Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh nên còn chần chừ, chưa chủ động, thiếu sâu sát trong việc triển khai và chỉ đạo xử lý đối với các trường hợp vi phạm.

Một số Công chức địa chính chưa tích cực, chủ động tham mưu cho Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn trong việc rà soát, hoàn thiện hồ sơ để xử lý và tổ chức giải tỏa đối với các trường hợp vi phạm.

Các xã, phường, thị trấn còn lúng túng về trình tự, thủ tục xử lý vi phạm hành chính trước khi tổ chức cưỡng chế, giải tỏa đối với các trường hợp vi phạm có công trình xây dựng trên đất không tự nguyện tháo dỡ.

Ý thức của người dân trong việc chấp hành, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông chưa tốt; vẫn còn thói quen họp chợ, kinh doanh, bán hàng cạnh đường giao thông làm ảnh hưởng tới việc lưu thông của các phương tiện và gây mất an toàn giao thông.

Các trường hợp dựng lều, lán di động, biển quảng cáo, ... sau thời gian giải tỏa lại tiếp tục tái lấn chiếm đất của đường bộ, nhất là việc bán hàng dọc lề đường tại cổng các Doanh nghiệp có lượng công nhân lớn trên QL39, ĐT379 (tại các huyện Kim Động, Văn Giang, Văn Lâm); đồng thời, công tác duy trì quản lý của các địa phương chưa được quan tâm thường xuyên.

UBND cấp huyện đã có văn bản chỉ đạo xuống cấp xã tổ chức thực hiện xử lý các vi phạm nhưng chưa có giải pháp quyết liệt để xử lý; chưa kiểm tra, giám sát, xử lý trách nhiệm của các cá nhân, tập thể tại cơ sở nên vi phạm tiếp tục tồn tại, tái vi phạm tiếp tục xảy ra trên hành lang giao thông, thủy lợi.

Chưa thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ các công trình tại thực địa để xác định hành lang thủy lợi của sông Bắc - Hưng - Hải, sông Cửu An, sông Điện Biên, ... trên địa bàn tỉnh gây khó khăn cho việc quản lý, thống kê của cấp xã.

#### **b. Đối với công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về đất đai để người sử dụng đất hiểu rõ, thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ; công tác kê khai, đăng ký chưa thực hiện thường xuyên; công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc quản lý, sử dụng đất tại các địa phương còn hạn chế.

- Cấp huyện, cấp xã chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thiếu nhiệt tình; các nhiệm vụ và giải pháp được triển khai chưa thực sự đầy đủ, chính xác nên hiệu quả chưa cao; chưa bố trí đủ lực lượng thực hiện; công tác rà soát, thống kê, báo cáo UBND tỉnh số lượng hồ sơ phải kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận, hồ sơ còn tồn đọng theo các nguyên nhân chưa đầy đủ, thiếu chính xác, không kịp thời; chưa tăng cường về nhân lực, tài chính cũng như giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Cán bộ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ địa chính cấp xã tuy đã được đào tạo cơ bản nhưng kinh nghiệm và kiến thức, năng lực còn hạn chế, chưa đồng đều; biên chế nhân lực còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ và tính chất công việc đặc thù, phức tạp. Sự phối kết hợp giữa các khâu, các bộ phận và các phòng, đơn vị chưa chặt chẽ, chưa chủ động dẫn đến hiệu quả giải quyết công việc không cao, chưa kịp thời. Mặt khác, các điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, kho lưu trữ hồ sơ và phương tiện kỹ thuật chuyên dùng cần thiết cho hoạt động chuyên môn còn nhiều khó khăn.

- Cán bộ địa chính phường, xã, thị trấn phải thực hiện rất nhiều nhiệm vụ; nhiều nơi không được duy trì ổn định do thay đổi cán bộ hoặc phải luân chuyển nên hạn chế tích lũy kinh nghiệm; do năng lực chuyên môn, do chưa nắm bắt tình hình thực tế địa phương làm ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng, thời gian giải quyết thủ tục cấp Giấy chứng nhận; chưa tham mưu kịp thời cho lãnh đạo UBND xã, phường, thị trấn xử lý các vi phạm về đất đai ở cơ sở.

Một bộ phận người sử dụng đất đã thông báo nhưng không đến thực hiện kê khai đăng ký, không hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận theo quy định; ý thức chấp hành về pháp luật đất đai chưa cao, đặc biệt là khi thực hiện các quyền (chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, tự ý chia tách thửa, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở, ...) nhưng không hoàn thiện các thủ tục đúng theo quy định; UBND các xã, phường, thị trấn chưa tích cực xét duyệt hồ sơ, chưa tập trung lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt; các nhiệm vụ và giải pháp được triển khai chưa thực sự đầy đủ nên hiệu quả chưa cao.

### **c. Đối với công tác cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp sau DTDR cho hộ gia đình, cá nhân**

- Thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 14/6/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục dồn thửa, đổi ruộng đất nông nghiệp thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2013-2015 làm thay đổi cơ bản so với Giấy chứng nhận đã cấp, phải cấp đổi Giấy chứng nhận nhưng do bản đồ chưa được đo đạc hoặc chỉnh lý dẫn đến có sự sai khác giữa hiện trạng sử dụng đất và hồ sơ địa chính quản lý. Việc bố trí ngân sách, hỗ trợ để thực hiện đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính của các huyện còn hạn chế đã gây khó khăn trong công tác kê khai, cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp sau DTDR. Cụ thể:

+ Bản đồ chưa được đo đạc chỉnh lý để thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận (*tại huyện Phù Cừ: Xóm 7, thôn Trà Bô, xã Phan Sào Nam và thôn Đoàn Đào xã Đoàn Đào thực hiện DTDR sau đo đạc bản đồ thuộc Dự án VLAP và xã Nguyên Hòa có một số thôn thực hiện chia lại ruộng sau khi đã phê duyệt phương án DTDR, do vậy kết quả đo đạc bản đồ của dự án VLAP tại những vị trí này không đúng với thực tế các hộ nhận ruộng đang sử dụng; tại Thành phố Hưng Yên: xã Quảng Châu bản đồ được đo đạc, lập năm 2003;*

- Việc thu thập Giấy chứng nhận cũ đã hết hạn sử dụng của người sử dụng đất gặp khó khăn, nhiều hộ báo mất Giấy chứng nhận. Tuy nhiên, một số xã khi cấp Giấy chứng nhận không vào sổ cấp Giấy chứng nhận, không sao lưu mà chỉ có danh sách cấp Giấy chứng nhận, do vậy việc tra thông tin khi làm thủ tục mất Giấy chứng nhận và trình hủy Giấy chứng nhận cũng gặp khó khăn.

- Việc thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp gặp nhiều khó khăn. Trong đó, phần nhiều Giấy chứng nhận đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân đang thế chấp tại các ngân hàng và quỹ tín dụng nhưng không thực hiện đăng ký giao



dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai theo quy định, vì vậy các tổ chức này không cho rút Giấy chứng nhận ra khi chưa trả nợ xong.

- Nhiều hộ gia đình chuyển nhượng một phần thửa đất cho nhau nhưng chỉ có giấy tờ viết tay sau 01/01/2008 hoặc lập hợp đồng qua UBND cấp xã nhưng không đúng Luật dân sự, Luật thừa kế (thành phần theo hộ gia đình, chỉ có đại diện chủ hộ ký chuyển quyền).

- Một số nơi đã thực hiện DTĐR nhưng chưa được phê duyệt phương án DTĐR (huyện Văn Lâm, xã Quang Hưng của huyện Phù Cù), thực tế các hộ sau DTĐR xong lại tiếp tục tự đổi cho nhau.

- Do các xã, thị trấn đã thực hiện xong DTĐR nhưng chậm kê khai, xét duyệt; ở một số địa phương hoàn thành DTĐR sau khi Dự án VLAP đã kết thúc nên không thể tiến hành đo đạc bản đồ để cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân (các huyện Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cù, ...);

## **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Qua kiểm tra, Đoàn kiểm tra xin đề xuất một số kiến nghị UBND tỉnh như sau:

### **1. Về thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017**

#### **1.1. Chỉ đạo UBND các huyện:**

- Chấn chỉnh công tác rà soát, thống kê, tổng hợp các trường hợp vi phạm cần giải tỏa, kết quả đã xử lý, giải tỏa theo đúng quy định; tránh để tình trạng cung cấp số liệu báo cáo không đầy đủ, không chính xác qua mỗi kỳ, khó khăn cho công tác tổng hợp;

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý các tổ chức kinh tế, hộ kinh doanh; hộ gia đình, cá nhân tự ý xây dựng nhà ở, công trình sản xuất kinh doanh trái phép trên đất nông nghiệp; đặc biệt đối với đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức. Không được để phát sinh thêm trường hợp xây nhà ở và các công trình trái phép trên đất nông nghiệp tại địa phương quản lý.

- Tham mưu giải pháp có cơ chế, chính sách hỗ trợ tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân đã sinh sống từ lâu (trước 15/10/1993) dọc các tuyến sông, trực thuộc hành lang các công trình thủy lợi để hỗ trợ các huyện trong việc tổ chức giải tỏa các công trình xây dựng (tháo gỡ khó khăn cho khu vực dân sống dọc các sông như xã các Nghĩa Trụ, Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang; xã Toàn Thắng, Nghĩa Dân huyện Kim Động, ...).

- Tăng cường xử lý trách nhiệm đối với lãnh đạo cấp xã còn thiếu nghiêm túc trong việc thực hiện công tác giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi và hoạt động bến bãi, khai thác cát trái phép.

- Tổ chức kiểm điểm, đánh giá, rút kinh nghiệm trong việc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương khi triển khai thực hiện cấp đổi Giấy chứng nhận.

- Kiên quyết xử lý, luân chuyển cán bộ cố ý chần chừ, nghe ngóng việc thực hiện của các nơi khác; không xử lý triệt để các vi phạm, nhất là vi phạm mới phát sinh trong giải tỏa đất nông nghiệp, đất hành lang giao thông, thủy lợi.

1.2. Ban hành quy định về phân cấp quản lý và phương thức khai thác công trình thủy lợi trên toàn tỉnh theo Điều 17 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT và Điều 23 của Luật Thủy lợi.

1.3. Cho phép được giữ nguyên hiện trạng đối với các trường hợp xây dựng lều, lán trồng cây, chứa nông cụ có diện tích dưới 10m<sup>2</sup> (huyện Văn Giang), các trường hợp sử dụng khác với mục đích là để chứa các dụng cụ sản xuất và trông coi tài sản hoa màu trên đất sản xuất nông nghiệp sẽ theo hướng nhà lắp ghép bằng tôn nhưng có diện tích không quá 10m<sup>2</sup>.

1.4. Chỉ đạo đơn vị quản lý công trình thủy lợi tỉnh khi phát hiện các trường hợp vi phạm ngay từ khi mới phát sinh phải phối hợp với chính quyền cơ sở có biện pháp ngăn, xử lý kịp thời, dứt điểm; thực hiện việc cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, lập và bàn giao hồ sơ quản lý phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cho UBND các xã, phường, thị trấn để làm căn cứ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn toàn tỉnh.

1.5. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, các Đoàn thể tỉnh tăng cường phối hợp với địa phương trong tổ chức tuyên truyền, vận động Đoàn viên, Hội viên và nhân dân chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước; tự tháo dỡ các công trình đã xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, vi phạm hành lang bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi... để thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 16/3/2016 và Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017 và Chỉ thị số 08/CT-CTUBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh Hưng Yên.

## **2. Công tác cấp Giấy chứng nhận**

2.1. Việc báo cáo kết quả cấp Giấy chứng nhận theo quy định vào ngày 20 hàng tháng. Tuy nhiên, UBND các huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai chưa thực hiện nghiêm túc, phải đôn đốc nhiều lần; số liệu chưa chính xác dẫn đến báo cáo số liệu giữa Văn phòng Đăng ký đất đai và UBND các huyện còn chênh lệch, không thống nhất; các chỉ tiêu trên biểu mẫu không báo cáo đầy đủ, không thống nhất giữa các lần báo cáo nên dẫn đến công tác tổng hợp số liệu của Sở gặp nhiều khó khăn, chậm tiến độ thời gian báo cáo kết quả với UBND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh chấn chỉnh công tác báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

2.2. Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động để các hộ gia đình, cá nhân nâng cao nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; chủ động thực hiện việc kê khai, đăng ký; cấp và cấp đổi Giấy chứng nhận;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cấp Giấy chứng nhận của UBND các xã, phường, thị trấn; các phòng, đơn vị liên quan theo quy định.

- Phê duyệt phương án, hoàn thiện hồ sơ DTĐR đất nông nghiệp để cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp; thường xuyên tổ chức xét duyệt hồ sơ cấp Giấy chứng nhận; giao công chức địa chính trách nhiệm hướng dẫn người dân hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy chứng nhận, không được từ chối việc tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ còn thiếu, hồ sơ không đủ điều kiện phải trả lời bằng văn bản để người sử dụng đất thực hiện. Việc bàn giao hồ sơ tài liệu giữa các cơ quan, đơn vị phải bằng văn bản theo cơ chế một cửa liên thông làm cơ sở quy trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các thủ tục hành chính.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận. Trên cơ sở số lượng giao chỉ tiêu cấp Giấy chứng nhận cho cấp xã trong năm, chia bình quân theo tháng, hết tháng kiểm tra, rà soát. Nếu không đạt chỉ tiêu, UBND huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã bàn giao các công việc khác cho Phó Chủ tịch UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ chuyên trách hoàn thiện hồ sơ, xét duyệt cấp Giấy chứng nhận; lấy tiêu chí hoàn thành cấp Giấy chứng nhận để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng của cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện nghiêm quy chế phối hợp tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai với Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đăng ký đất đai.

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động để các hộ gia đình, cá nhân nhận thức được vai trò, ý nghĩa, quyền và nghĩa vụ của việc cấp Giấy chứng nhận; thông báo công khai tại UBND cấp xã, nơi sinh hoạt cộng đồng dân cư để người dân đến kê khai, đăng ký đất đai theo quy định đối với toàn bộ các thửa đất (đối với cả đất ở và đất nông nghiệp) đang sử dụng chưa được kê khai đăng ký; hộ gia đình, cá nhân nào không nhất trí kê khai thì lập danh sách và yêu cầu ký xác nhận làm cơ sở tổng hợp, báo cáo; lập hồ sơ và danh sách để quản lý đối với trường hợp đã xét duyệt nhưng không đủ điều kiện theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện lồng ghép việc xét duyệt, thẩm định, kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận giữa UBND cấp xã với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường cho hộ gia đình, cá nhân đồng loạt theo

tùng xã, phường, thị trấn mà không bị động chờ người sử dụng đất có nhu cầu đến đăng ký như trước đây; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn tháo gỡ kịp thời khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện không để ách tắc gây phiền hà cho người dân.

- Đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận các xã, thị trấn khi thực hiện Dự án VLAP nhưng người sử dụng đất đã có đơn cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận chưa thực hiện cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất (do chưa xét duyệt hoặc thiếu giấy tờ, ...); hồ sơ này đang được UBND các xã, phường, thị trấn quản lý đề nghị UBND các xã, phường, thị trấn sử dụng những hồ sơ tài liệu hiện có và tiến hành kiểm tra, rà soát, bổ sung tổng hợp để thực hiện việc cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận theo quy định. Đối với các xã, phường, thị trấn chưa tiến hành đo đạc, chỉnh lý bản đồ, lập hồ sơ địa chính đất nông nghiệp sau DTĐR, yêu cầu UBND xã phải khẩn trương đo đạc, chỉnh lý bản đồ và lập hồ sơ địa chính để cấp đổi Giấy chứng nhận đất nông nghiệp cho người sử dụng đất.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; kiểm tra giám sát, thanh tra của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc quản lý và sử dụng đất; việc chấp hành pháp luật đất đai, cấp Giấy chứng nhận của địa phương; lấy tiêu chí hoàn thành kế hoạch giao cấp Giấy chứng nhận bình xét thi đua, nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ công chức, viên chức.

### **3. Đối với các sở, ngành**

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, tiếp thu ý kiến phản ánh của các xã, huyện về những vướng mắc đã nêu trong công tác quản lý đo đạc địa chính, công tác cấp đổi Giấy chứng nhận để hướng dẫn, tháo gỡ cho từng trường hợp cụ thể. Chỉ đạo các đơn vị tư vấn đo đạc tăng cường cán bộ về phối hợp xã, thôn để hoàn thiện bản đồ chỉnh lý biến động đất.

- Sở Giao thông, Vận tải: chủ trì, thường xuyên rà soát các bến bãi có vi phạm, hướng dẫn và tổ chức cấp phép hoạt động bến thủy nội địa cho các bến, bãi đáp ứng yêu cầu của tỉnh. Thông báo kịp thời các trường hợp vi phạm hành lang giao thông, nhất là vi phạm trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh quan trọng để UBND cấp huyện chỉ đạo, giải quyết theo thẩm quyền.

- Công an tỉnh: chỉ đạo lực lượng chức năng của ngành tăng cường tuần tra, kiểm tra, cương quyết xử lý các trường hợp chợ cóc, người bán hàng rong, xe quá tải, khai thác cát trái phép, xử lý nghiêm cán bộ, chiến sỹ có hành vi bao che, bảo kê cho các hoạt động vận chuyển, khai thác cát sông trái phép; đồng thời xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì, chỉ đạo kiểm tra, rà soát công tác cấm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều, hoàn thiện hồ sơ quản lý gửi về UBND cấp xã làm căn cứ thực hiện bảo vệ công trình, cấp đổi Giấy chứng nhận đất cho nhân dân. Phối hợp với các sở, ngành,

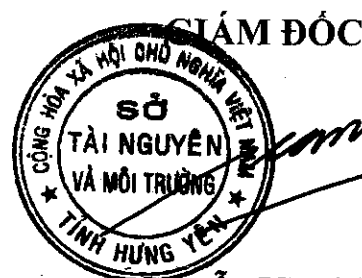
địa phương trong việc giám sát, quản lý hoạt động chất chứa vật tư vượt quá chiều sâu cho phép trên hành lang sông gây sạt lở bãi sông và mất an toàn công trình đê điều.

- Đài PTTH tỉnh, Báo Hưng Yên, Đài phát thanh cấp huyện chủ trì, biên tập nội dung tuyên truyền theo chủ đề phản ánh các vi phạm, công tác giải tỏa, các trường hợp tự giác tháo dỡ, tự hiến đất để nhân rộng mô hình người tốt, việc tốt trong toàn tỉnh đối với việc thực hiện Kế hoạch 93A/KH-UBND ngày 31/3/2017.

Vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo UBND tỉnh kết quả kiểm tra công tác xử lý giải tỏa các công trình xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp; vi phạm hành lang bảo vệ giao thông, thủy lợi và hoạt động bến bãi, khai thác cát trái phép trên địa bàn tỉnh đến ngày 15/8/2019./.

Nơi nhận: P.

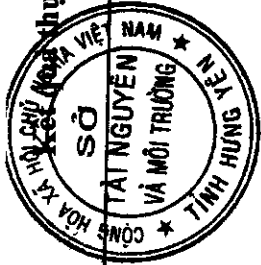
- Như kính gửi;
- Các Sở, ngành: NN&PTNT; GTVT, CA tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục QLDD;
- Lưu: VT, CCQLDD<sup>THG</sup>



Nguyễn Văn Phú



Thực hiện Kế hoạch số 93A/KH-UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh



Loại công trình

STT	Nội dung vi phạm	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát				Đã giải tỏa đến ngày 15/8/2019			Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tỏa
		Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Số TH		
		Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016		Đã tự tháo dỡ, giải tỏa công trình	Đã cưỡng chế			
Tổng số TH	Số TH	Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH	Số TH	Số TH		
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Xây dựng công trình trên đất nông nghiệp (trại làm vườn sau khi sơ tán) và hành lang	393	311	57	108	12,03	108	0	790
1	Phù Cừ	0	0	0	0	0,00	0	0	0
2	Tiên Lữ	0	0	0	0	0,00	0	0	0
3	TP Hưng Yên	0	0	0	0	0,00	0	0	0
4	Kim Động	0	0	0	0	0,00	0	0	0
5	Ân Thi	70	53	17	13	18,57	13	0	57
6	Khoái Châu	399	392	7	0	0,00	0	0	399
7	Yên Mỹ	97	64	33	3	3,09	3	0	94
8	Vân Lâm	0	0	0	0	0,00	0	0	0
9	Vân Giang	0	0	0	0	0,00	0	0	0
10	Mỹ Hào	332	332	0	92	27,71	92	0	240
II	Công trình, nhà ở xây dựng trên đất nông nghiệp	6.109	7.023	1.086	2.577	29,31	1.919	458	5.663
1	Phù Cừ	1.103	1.005	98	800	72,53	800	0	303
	Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	7	7	0	0	0,00	0	0	7
	Xây dựng Nhà ở trên đất nông nghiệp	281	262	19	211	75,09	211	0	70
	Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	632	553	79	589	93,20	589	0	43
	Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0





STT	Nội dung vi phạm	Loại công trình	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát				Đã giải tỏa đến ngày 15/8/2019				Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tỏa
			Tổng số TH	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016		Đã tự tháo dỡ, giải tỏa công trình	Đã cưỡng chế			
Số TH	Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH	Số TH	Số TH	Số TH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	183	183	0	0	0,00	0	0	183	
2	Tiên Lữ	Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	496	385	111	297	59,88	262	35	199	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0	
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	220	171	49	65	29,55	40	25	155	
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	276	214	62	232	84,06	222	10	44	
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00			0	
3	TP Hưng Yên	Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	962	904	58	81	8,42	81	0	881	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	807	760	47	53	6,57	53	0	754	
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	133	124	9	28	21,05	28	0	105	
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0	
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0	
4	Kim Động	Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	178	141	37	44	24,72	38	6	134	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	4	4	0	0	0,00	0	0	4	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	22	14	8	12	54,55	8	4	10	
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	82	64	18	19	23,17	18	1	63	
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	70	59	11	13	18,57	12	1	57	
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0	
5	Ân Thi	Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	422	305	117	193	45,73	128	65	229	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	4	3	1	0	0,00	0	0	4	
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	218	177	41	89	40,83	58	31	129	



STT	Nội dung vi phạm	Loại công trình	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát			Đã giải tòa đến ngày 15/8/2019			Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tòa	
			Tổng số TH	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			
				Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016		Đã tự tháo dỡ, giải tòa công trình	Đã cưỡng chế		
			Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH	Số TH	Số TH		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	21	13	8	21	100,00	21	0	0
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	179	112	67	83	46,37	49	34	96
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0
6	Khoái Châu		2.197	1.982	215	123	5,60	96	27	2.074
		Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	97	30	67	38	39,18	29	9	59
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	193	170	23	10	5,18	7	3	183
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	232	206	26	21	9,05	14	7	211
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	857	825	32	18	2,10	17	1	839
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	818	751	67	36	4,40	29	7	782
7	Yên Mỹ		404	199	205	222	54,95	119	103	182
		Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	12	1	11	5	41,67	3	2	7
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	20	2	18	13	65,00	4	9	7
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	146	54	92	135	92,47	58	77	11
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	167	117	50	10	5,99	7	3	157
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00			0
		Đổ đất, xây tường bao	59	25	34	59	100,00	47	12	0
8	Văn Lâm		390	208	182	174	44,62	85	89	216
		Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	136	59	77	20	14,71	0	20	116
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	9	3	6	1	11,11	0	1	8
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	119	86	33	61	51,26	26	35	58
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	126	60	66	92	73,02	59	33	34
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0
9	Văn Giang		1.618	1.589	29	299	18,48	246	53	1.319



STT	Nội dung vi phạm	Loại công trình	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát			Đã giải tỏa đến ngày 15/8/2019			Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tỏa	
			Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
			Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016		Đã tự tháo dỡ, giải tỏa công trình	Đã cưỡng chế			
Tổng số TH	Số TH	Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH	Số TH	Số TH			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	717	707	10	169	23,57	143	26	548
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00	0	0	0
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	98	98	0	79	80,61	55	24	19
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	803	784	19	51	6,35	48	3	752
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00			0
10	Mỹ Hòa		339	305	34	144	42,48	64	80	126
		Xây dựng công trình (nhà xưởng, nhà máy, cửa hàng...) trên đất nông nghiệp	224	208	16	98	43,75	48	50	126
		Xây dựng Nhà để ở trên đất nông nghiệp	0			0	0,00			
		Xây dựng nhà tạm trên đất nông nghiệp	115	97	18	46	40,00	16	30	
		Xây dựng chuồng trại trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00			
		Xây dựng lều, lán trên đất nông nghiệp	0	0	0	0	0,00			
			16.607	9.214	7.393	14.122	85,04	12.483	1.639	2.485
III	Xây dựng công trình trái phép trên đất giao thông									
1	Phù Cừ		159	0	159	159	100,00	0	159	0
2	Tiên Lữ		177	1	176	121	68,36	90	31	56
3	TP Hưng Yên		2.417	1.308	1.109	2.417	100,00	2.417	0	0
4	Kim Động		47	0	47	20	42,55	20	0	27
5	Ân Thi		266	53	213	207	77,82	207	0	59
6	Khoái Châu		926	877	49	377	40,71	284	93	549
7	Yên Mỹ		7.296	3.150	4.146	7.296	100,00	7.296	0	0
8	Vân Lâm		321	223	98	211	65,73	46	165	110
9	Vân Giang		434	434	0	434	100,00	302	132	0
10	Mỹ Hòa		4.564	3.168	1.396	2.880	63,10	1.821	1.059	1.684



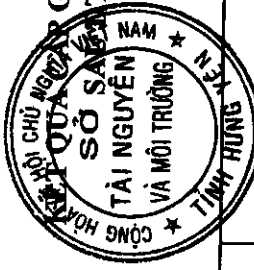
STT	Nội dung vi phạm	Loại công trình	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát				Đã giải tỏa đến ngày 15/8/2019				Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tỏa
			Tổng số TH	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
				Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016		Đã tự tháo dỡ, giải tỏa công trình	Đã cưỡng chế			
Số TH	Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH	Số TH	Số TH	Số TH				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
<b>IV</b>	<b>Vi phạm công trình chướng ngại</b>		<b>3.155</b>	<b>2.830</b>	<b>325</b>	<b>742</b>	<b>23,52</b>	<b>598</b>	<b>144</b>	<b>2.413</b>	
1	Phù Cừ		76	64	12	20	26,32	19	1	56	
2	Tiên Lữ		21	17	4	11	52,38	11	0	10	
3	TP Hưng Yên		47	36	11	26	55,32	26	0	21	
4	Kim Động		958	898	60	60	6,26	60	0	898	
5	Ân Thi		209	204	5	47	22,49	47	0	162	
6	Khoái Châu		884	809	75	70	7,92	64	6	814	
7	Yên Mỹ		238	104	134	132	55,46	112	20	106	
8	Văn Lâm		138	114	24	111	80,43	16	95	27	
9	Văn Giang		279	279	0	45	16,13	23	22	234	
10	Mỹ Hào		305	305	0	220	72,13	220	0	85	
<b>V</b>	<b>Vi phạm hành lang bảo vệ đê</b>		<b>162</b>	<b>133</b>	<b>29</b>	<b>68</b>	<b>41,98</b>	<b>68</b>	<b>0</b>	<b>94</b>	
1	Phù Cừ		31	31	0	31	100,00	31	0	0	
2	Tiên Lữ		0	0	0	0	0,00	0	0	0	
3	TP Hưng Yên		8	7	1	1	12,50	1	0	7	
4	Kim Động		0	0	0	0	0,00	0	0	0	
5	Ân Thi		50	29	21	6	12,00	6	0	44	
6	Khoái Châu		49	45	4	13	26,53	13	0	36	
7	Yên Mỹ		0	0	0	0	0,00	0	0	0	
8	Văn Lâm		0	0	0	0	0,00	0	0	0	
9	Văn Giang		9	9	0	7	77,78	7	0	2	
10	Mỹ Hào		15	12	3	10	66,67	10	0	5	





STT	Nội dung vi phạm	Loại công trình	Tổng số trường hợp (TH) đã rà soát			Đã giải tòa đến ngày 15/8/2019			Tổng số TH vi phạm còn tồn tại chưa giải tòa	
			Trong đó:			Trong đó:				
			Tổng số TH	Vi phạm trước ngày 16/3/2016	Vi phạm sau ngày 16/3/2016	Tổng số	Đã tự tháo dỡ, giải tòa công trình	Đã cưỡng chế		
Số TH	Số TH	Số TH	Số TH	Số TH	Số TH	Tỷ lệ % so với TH vi phạm	Số TH			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Xây dựng bên bờ, Vi phạm chiều xây dựng									
1	Phù Cừ		3	0	3	3	100,00	3	0	0
2	Tiên Lữ		21	20	1	7	33,33	7	0	14
3	TP Hưng Yên		14	14	0	6	42,86	6	0	8
4	Kim Động		0	0	0	0	0,00	0	0	0
5	Ân Thi		83	0	83	78	93,98	78	0	5
6	Khoái Châu		18	18	0	8	44,44	8	0	10
7	Yên Mỹ		616	438	178	616	100,00	616	0	0
8	Văn Lâm		0	0	0	0	0,00	0	0	0
9	Văn Giang		5	5	0	0	0,00	0	0	5
10	Mỹ Hào		5	4	1	4	80,00	4	0	1
	<b>Tổng tính</b>		<b>29.696</b>	<b>20.543</b>	<b>9.153</b>	<b>18.139</b>	<b>61,08</b>	<b>15.898</b>	<b>2.241</b>	<b>11.488</b>





**GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU CÁC LOẠI ĐẤT VÀ CẤP ĐỔI GCN ĐẤT NN  
TĐTR CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN  
tính đến ngày 15/8/2019**

Biểu 02-GCN

STT	Đơn vị hành chính	Loại đất	Tổng số thửa đất, diện tích cần cấp		Tổng số thửa đất, diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu						Tổng số thửa đất còn lại chưa cấp			
			Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tổng chung đã cấp đến thời điểm báo cáo 15/8/2019			Trong đó:			Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	
					Thửa đất (thửa)	tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %				
1	2	3	4	5,00	6	7	8	9	10	11	12,00	13	14	15
	<b>Tổng tỉnh</b>													
	<b>1. Cấp lần đầu</b>		1.241.176	63.291,08	1.043.864	84,10	54.758,02	86,52	63.346	5.712	112,24	9,02	197.312	8.533
		Đất nông nghiệp	844.570	52.518,64	783.738	92,80	47.683,85	90,79	19.645	605	36,27	3,08	60.832	4.834,79
		Đất ở	394.963	10.453,88	259.828	65,79	6.908,12	66,08	43.495	5.003	75,97	11,50	135.135	3.545,76
		Đất tín ngưỡng	1.643	318,56	298	18,14	166,05	52,13	206	104	0,00	50,49	1.345	152,51
	<b>2. Cấp đổi</b>	Cấp đổi đất NN	400.725	35.316,86	130.650	32,60	10.193	28,86	73.526	1.649	67,70	2,24	270.075	25.124
<b>I</b>	<b>Phù Cừ</b>													
	<b>1. Cấp lần đầu</b>		103.421	6.663,77	91.014	88,00	6.121,25	91,86	3.263	882	15,97	62,77	12.407	542,52
		Đất nông nghiệp	75.615	5.592,73	71.167	94,12	5.370,28	96,02	1.893	80	2,36	4,23	4.448	222,45
		Đất ở	27.663	1.055,23	19.816	71,63	746,47	70,74	1.370	802	13,61	58,54	7.847	308,76
		Đất tín ngưỡng	143	15,81	31	21,68	4,50	28,46	0	0	0,00	0,00	112	11,31
	<b>2. Cấp đổi</b>	Cấp đổi đất NN	35.690	4.823,00	12.978	36,36	1.892,28	39,23	4.421	100	12,69	2,26	22.712	2.930,72
<b>II</b>	<b>Tiên Lữ</b>													
	<b>1. Cấp lần đầu</b>		82.341	5.498,16	66.594	80,88	4.439,68	195,27	5.800	1.042	20,00	17,97	15.747	1.058,48
		Đất nông nghiệp	45.275	4.677,98	38.190	84,35	3.853,80	82,38	2.141	53	9,00	2,48	7.085	824,18
		Đất ở	36.879	806,55	28.352	76,88	580,30	71,95	3.628	989	11,00	27,26	8.527	226,25
		Đất tín ngưỡng	187	13,63	52	27,81	5,58	40,94	31	0	0,00	0,00	135	8,05



STT	Đơn vị hành chính	Loại đất	Tổng số thửa đất, diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu										Tổng số thửa đất còn lại chưa cấp			
			Tổng số thửa đất, diện tích cần cấp					Tổng chung đã cấp đến thời điểm báo cáo							Trong đó:	
			Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	tỷ lệ %	Chỉ tiêu giao	Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Thửa đất (thửa)			Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
			Từ ngày 01/01/2019 đến 15/8/2019													
I	2	3	4	5,00	6	7	8	9	10	11	12,00	13	14	15		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	29.296	3.395,97	12.215	41,70	1.489,32	43,86	3.446	16	1,31	0,46	17.081	1.906,65		
III																
	1. Cấp lần đầu		105.350	4.364,77	93.721	88,96	3.796,47	86,98	5.025	825	27,60	16,42	11.629	568,30		
		Đất nông nghiệp	67.742	2.971,99	60.112	88,74	2.590,88	87,18	3.728	323	19,62	8,66	7.630	381,11		
		Đất ở	37.443	1.244,34	33.593	89,72	1.098,59	88,29	1.297	502	7,98	38,70	3.850	145,75		
		Đất tín ngưỡng	165	148,44	16	9,70	107,00	72,08	0	0	0,00	0,00	149	41,44		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	7.577	350,71	74	0,98	8,04	2,29	2.036	12	1,03	0,59	7.503	342,67		
IV																
	Kim Động															
	1. Cấp lần đầu		131.936	8.007,71	115.886	87,84	7.345,91	91,74	7.099	614	11,66	8,65	16.050	661,80		
		Đất nông nghiệp	89.850	7.126,80	85.481	95,14	6.709,20	94,14	1.311	0	0,00	0,00	4.369	417,60		
		Đất ở	41.848	848,16	30.342	72,51	623,32	73,49	5.788	551	11,66	9,52	11.506	224,84		
		Đất tín ngưỡng	238	32,75	63	26,47	13,39	40,89	0	63	0,00	#DIV/0!	175	19,36		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	54.522	5.700,38	33.250	60,98	3.239,01	56,82	4.420	512	19,86	11,58	21.272	2.461,37		
V																
	Khoái Châu															
	1. Cấp lần đầu		190.784	8.225,29	158.722	83,19	7.019,95	85,35	10.221	518	10,12	5,07	32.062	1.205,34		
		Đất nông nghiệp	129.310	6.677,96	118.548	91,68	5.999,49	89,84	2.557	70	0,99	2,74	10.762	678,47		
		Đất ở	61.236	1.514,85	40.138	65,55	1.008,88	66,60	7.664	448	9,13	5,85	21.098	505,97		
		Đất tín ngưỡng	238	32,48	36	15,13	11,58	35,65	0	0	0,00	0,00	202	20,90		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	89.835	5.543,68	62.922	70,04	3.219,82	58,08	3.341	50	4,24	1,50	26.913	2.323,86		



STT	Đơn vị hành chính	Loại đất	Tổng số thửa đất, diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu										Tổng số thửa đất còn lại chưa cấp	
			Tổng số thửa đất, diện tích căn cấp					Tổng chung đã cấp đến thời điểm báo cáo						
			Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %	Chỉ tiêu giao	Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ %
I	2	3	4	5,00	6	7	8	9	10	11	12,00	13	14	15
VI	Án Thi													
	1. Cấp lần đầu		175.190	9.548,24	139.099	79,40	8.350,32	87,45	9.951	234	3,19	2,35	36.091	1.197,92
		Đất nông nghiệp	127.567	8.159,98	123.313	96,67	7.873,15	96,48	1.276	0	0,00	0,00	4.254	286,83
		Đất ở	47.366	1.376,81	15.784	33,32	477,09	34,65	8.578	234	3,19	2,73	31.582	899,72
		Đất tín ngưỡng	257	11,45	2	0,78	0,08	0,70	97	0	0,00	0,00	255	11,37
	2. Cấp đổi		69.547	7.058,84	0	0,00	0,00	0,00	13.909	0	0,00	0,00	69.547	7.058,84
VII	Yên Mỹ													
	1. Cấp lần đầu		149.250	6.147,80	120.478	80,72	5.264,54	85,63	8.924	713	16,01	7,99	28.772	883,26
		Đất nông nghiệp	103.095	5.253,63	96.683	93,78	4.826,74	91,87	1.942	49	3,40	2,52	6.412	426,89
		Đất ở	46.046	884,16	23.792	51,67	436,70	49,39	6.982	664	12,61	9,51	22.254	447,46
		Đất tín ngưỡng	109	10,01	3	2,75	1,10	10,99	0	0	0,00	0,00	106	8,91
	2. Cấp đổi		74.509	4.465,03	9.211	12,36	344,46	7,71	7.101	959	28,57	13,51	65.298	4.120,57
VIII	Vân Giang													
	1. Cấp lần đầu		115.151	4.780,42	104.819	91,03	4.382,63	91,68	2.468	151	0,00	6,12	10.332	397,79
		Đất nông nghiệp	75.863	3.753,51	74.278	97,91	3.514,69	93,64	476	0	0,00	0,00	1.585	238,82
		Đất ở	39.135	1.013,16	30.516	77,98	865,82	85,46	1.973	150	0,00	7,60	8.619	147,34
		Đất tín ngưỡng	153	13,75	25	16,34	2,12	15,42	19	1	0,00	5,26	128	11,63
	2. Cấp đổi								14.672	0		0,00		





STT	Đơn vị hành chính	Loại đất	Tổng số thửa đất, diện tích		Tổng số thửa đất, diện tích đã được cấp Giấy chứng nhận lần đầu										Tổng số thửa đất còn lại chưa cấp	
			Thửa đất (thửa)	Diện tích (ha)	Tổng chung đã cấp đến thời điểm báo cáo 15/8/2019					Trong đó:					Thửa đất (thừa)	Diện tích (ha)
					Thửa đất (thừa)	tỷ lệ %	Diện tích (ha)	tỷ lệ %	Chỉ tiêu giao	Thửa đất (thừa)	Diện tích (ha)	Ty lệ %				
1	2	3	4	5,00	6	7	8	9	10	11	12,00	13	14	15		
IX	Văn Lâm															
	1. Cấp lần đầu		95.649	4.764,83	83.685	87,49	4.219,96	88,56	3.751	287	0,00	7,65	11.964	544,87		
		Đất nông nghiệp	64.366	3.832,54	62.837	97,62	3.640,49	94,99	461	7		1,52	1.529	192,05		
		Đất ở	31.189	900,65	20.808	66,72	563,73	62,59	3.250	240		7,38	10.381	336,92		
		Đất tín ngưỡng	94	31,64	40	42,55	15,74	49,75	40	40		100,00	54	15,90		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	10.836	1.202,75	0	0,00	0,00	0,00	10.454	0		0,00	10.836	1.202,75		
X	Mỹ Hòa															
	1. Cấp lần đầu		92.104	5.290,09	69.846	75,83	3.817,31	72,16	6.844	446	7,69	6,52	22.258	1.472,78		
		Đất nông nghiệp	65.887	4.471,52	53.129	80,64	3.305,13	73,92	3.860	23	0,90	0,60	12.758	1.166,39		
		Đất ở	26.158	809,97	16.687	63,79	507,22	62,62	2.965	423	6,79	14,27	9.471	302,75		
		Đất tín ngưỡng	59	8,60	30	50,85	4,96	57,67	19	0	0,00	0,00	29	3,64		
	2. Cấp đổi	Cấp đổi đất NN	28.913	2.776,50	0	0,00	0,00	0,00	9.726	0	0,00	0,00	28.913	2.776,50		

